

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Unit 6.2	Teacher's feedback
-----------------	--------------------

Task 1. Look and write: Con nhìn và viết đáp án nhé

- parents chef restaurant artist studio
 banker bank aunt cousin



1.....



2.....



3.....



4.....



5.....



6.....



7.....

















8.....



9.....

Task 2. Look, read and write. Con nhìn, đọc và viết đáp án nhé

<p>0</p>  <p>Mom</p>	
<p>1</p>  <p>Dad</p>	
<p>2</p>  <p>Rosy</p>	
<p>3</p>  <p>Grandpa</p>	
<p>4</p>  <p>Billy</p>	
<p>5</p>  <p>Anna</p>	
<p>6</p>  <p>Bella</p>	

0. ***It's Mom's cat.***

1. It's.....bike.

2. It's.....hat.

3. It's.....book.

4. It's.....kite.

5. It's.....teddy bear.

6. It's.....umbrella.

Task 3: Put the words in the correct order to make sentences. (Sắp xếp từ để tạo thành câu hoàn chỉnh nhé.)

1. This - is - book - Mum's

⇒ **This is Mum's book.**

2. is - This - bike - Ben's

.....

3. is - This - Dad's - umbrella

.....

4. car - Tony's - This - is

.....

5. bag - Billy's - It - is

.....

6. Alex's - pencil - It - is

.....

7. This - Bella's - is - dog

.....

8. computer - This - Tony's - is

.....

9. train - David's - is - This

.....

Task 4: Listen and number: Con nghe và viết số tương ứng nhé

